

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2022

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 5

NGÀY QUAN TRẮC 5 THÁNG 4 NĂM 2022

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC 6 THÁNG 4 NĂM 2022

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

CƠ QUAN THỰC HIỆN

VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022” được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện năm 2022. Trong năm 2022 quan trắc tại 15 vị trí, 10 đợt vào vào các tháng 2, 3, 4, 7 và 8 (mỗi tháng lấy 2 đợt) và dự báo 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ www.httl.com.vn và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 5 lấy mẫu ngày 5/4/2022. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thái, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2022

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 5

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 5/4/2022

Ngày cung cấp TT: 6/4/2022

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 5/4/2022 vào thời kỳ tưới dưỡng lúa vụ Chiêm Xuân, cấp nước tưới cho hoa màu và nuôi trồng thủy sản (1/3 đến 3/5/2022); theo lệnh điều hành hệ thống của Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải: Xuân Quan không chế hạ lưu: 180 – 240 cm; Kênh Cầu không chế thượng lưu: 160 – 220 cm; Bá Thủy không chế thượng lưu: 130 – 170 cm; Neo không chế thượng lưu: 120 – 160 cm; Cầu Xe, An Thổ không chế thượng lưu: 80 – 100 cm hoặc lấy nước ngược; Âu Cầu Cát phục vụ giao thông thủy hoặc lấy nước ngược.

- Trước thời điểm lấy mẫu vào các ngày 1-2/4/2022, hệ thống được gạt tháo thay nước. Sau đó lấy nước ngược qua Cầu Xe, An Thổ. Tại thời điểm lấy mẫu, tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Công Xuân Quan đóng trữ nước hạ lưu; An Thổ và Cầu Xe đóng kín chờ triều lấy nước ngược; Âu Cầu Cát, công Neo, Bá Thủy đóng kín; Kênh Cầu, Lục Điền mở thông. Các công tiêu: Xuân Thụy đang thi công công và kè sông, nước chảy tự do; Ngọc Đà mở thông 2 cửa; Bình Lâu mở thông; Ngọc Lâm và Phần Hà đóng kín.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và MT

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính - Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 4 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₁ và B₁)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Công Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ công Xuân Thụy	- Công đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL = 109cm; HL = 117cm; - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, không có rác thải.	21,3	7,42	4,4	- DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho NTTS. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.
2	BHH2	Công Xuân	- Kiểm tra nước sông Cầu Bậy trước khi chảy ra sông Kim	- Thượng lưu đắp chặn ¾ dòng chảy, đang thi công kè sông.	22,2	7,50	1,6	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		Thụy	Son. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	Nước chảy tự do ra ngoài, dòng chảy trung bình. Mực nước TL = 120cm; HL = 116 cm; - Nước có màu đen đục do bùn hòa lẫn, mùi hôi thối, nhiều rác thải trước cống. Sau cống, nước có màu xám đen, nổi nhiều bọt trắng.				- Khuyến cáo: Người dân không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS. Tăng cường lấy nước qua các trạm bơm lấy nước từ sông Kim Sơn và không mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	- Dòng chảy yếu theo hướng về TB Như Quỳnh. - Nước màu đen đục, mùi hôi, nhiều rác thải nổi trên sông.	22,6	7,20	2,9	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN và NTTS. - Khuyến cáo: Người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Tăng cường lấy nước bổ sung từ sông Đuống qua TB Phú Mỹ.
4	BHH4	Cống kênh Cầu	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo	- Cống mở thông, dòng chảy yếu. Mực nước TL= HL = 118 cm. - Nước màu xám đen, có mùi hôi nhẹ, có cá ngơ nổi, nhiều rác thải.	22,6	7,37	3,6	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước qua Xuân Quan để gạn tháo và thay nước.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	- Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải	- Cống mở 2 cửa, dòng trung bình. - Nước trên kênh có màu đen,	22,3	7,43	1,8	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo cho người dân

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ.	mùi hôi thối, nhiều rác thải. Hạ lưu sau cống, nước có màu đen, nổi nhiều bọt trắng.				không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	- Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, mùi hôi nhẹ, mặt nước có váng nổi, nhiều rác thải.	22,4	7,13	3,1	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
7	BHH7	Cống Phần Hà	- Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên).	- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh đen, mùi hôi nhẹ, nhiều rác thải.	23,9	7,03	3,2	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
8	BHH8	Cống Bá Thủy	- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh	- Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 109 cm; HL= 97 cm. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, nhiều bèo tây và rác thải, có váng nhầy nổi trong bèo.	24,5	7,20	4,2	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy và trữ nước. Nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			HD chảy vào sông Kim Sơn.					
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cổng mở, dòng chảy yếu. - Nước màu xanh đen, mùi hôi thối, không có rác thải.	24,7	7,16	1,1	- DO < 2mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không mở cổng Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 114 cm, HL= 30 cm. - Nước màu xanh đen, mùi hôi hôi, nhiều rác thải.	24,8	7,13	3,6	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngờ nổi đầu. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
11	BHH11	Cổng An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 100 cm; HL= 48 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều bèo tây và rác thải.	24,9	7,41	4,9	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống cấp cho SXNN, nhưng không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
12	BHH12	Cổng Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 102 cm; HL= 49 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	24,9	7,61	4,8	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống cấp cho SXNN, nhưng không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
13	BHH13	Cổng Lực Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. Mực nước TL= 115 cm; HL = 114 cm.	24,6	7,56	3,4	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
				- Nước màu xanh lục, mùi hơi hôi, có váng dầu nổi trên mặt, nhiều rác thải.				thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, mùi hôi nhẹ. Nhiều bèo và rác thải.	24,4	7,20	3,4	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cửu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 115cm; HL= 95cm. - Nước màu xanh đen, có mùi hôi nhẹ, nhiều rác thải, mặt nước đóng nhiều váng và có cá con chết nổi.	24,8	7,68	2,9	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN và NTTS. - Khuyến cáo: Người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Tăng cường lấy nước bổ sung từ các sông ngoài, gạn tháo thay nước về hạ du.
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1				-	-	6,0-8,5	≥6	-
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1				-	-	5,5-9,0	≥4	-

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;